

TỜ TRÌNH

Dự thảo Quyết định quy định về danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Tĩnh

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Trên cơ sở ý kiến tham gia của các sở, ban, ngành, đoàn thể; UBND các huyện, thành phố, thị xã và các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan; Theo Báo cáo thẩm định số 1587/BC-STP ngày 09/8/2024 của Sở Tư pháp,

Sở Tài chính kính trình UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định về danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Tĩnh như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

1. Cơ sở pháp lý:

Ngày 25/4/2023, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 23/2023/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thay thế Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018.

a) Về thẩm quyền được phân cấp:

- Tại điểm c, khoản 1, Điều 4 (quy định về Tài sản cố định đặc thù): “Căn cứ vào tình hình thực tế và yêu cầu quản lý đối với những tài sản quy định tại điểm này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương (sau đây gọi là Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương), Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) ban hành Danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương (theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này) để thống nhất quản lý”.

- Tại điểm a, khoản 1, Điều 13 (Thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định hữu hình): “Đối với tài sản cố định hữu hình được sử dụng ở địa bàn có điều kiện thời tiết, điều kiện môi trường ảnh hưởng đến mức hao mòn của tài sản cố định, trường hợp cần thiết phải quy định thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định khác so với quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể. Việc điều chỉnh tỷ lệ hao mòn tài sản cố định bảo đảm tăng, giảm không vượt quá 20% tỷ lệ hao mòn của tài sản cố định tương ứng quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này”

- Tại khoản 2, Điều 13 (quy định về danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình): “Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình (trừ thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập) thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương (theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này)”.

b) Về thuật ngữ sử dụng đối với việc tính hao mòn tài sản cố định.

Tại thông tư 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 sử dụng thuật ngữ: “Thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định”. Tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 thay bằng thuật ngữ “Thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định”. Về bản chất, thời gian sử dụng và thời gian tính hao mòn là hai khái niệm không đồng nhất với nhau. Trong thực tế thời gian sử dụng tài sản cố định có thể dài hơn thời gian tính hao mòn tài sản cố định nếu sau khi hết hao mòn tài sản cố định vẫn phát huy tác dụng, còn sử dụng được; ngược lại, một số tài sản cố định đang trong thời gian tính hao mòn nhưng bị hỏng, không thể sửa chữa, không thể khắc phục được buộc phải nhập kho, thanh lý thì thời gian sử dụng của tài sản cố định sẽ không còn nữa.

Theo nội dung phân cấp tại Thông tư 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018, UBND tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành các danh mục kèm theo Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/4/2020 “Quy định về danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ tính hao mòn tài sản cố định vô hình, tài sản cố định đặc thù, tài sản cố định khác thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Tĩnh. Cần sử dụng đúng tên gọi của danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình để phù hợp với quy định hiện hành và thuận tiện trong quá trình áp dụng.

c) Về sự cần thiết bổ sung danh mục tài sản cố định đặc thù trong lĩnh vực Văn hoá vật thể

Danh mục tài sản cố định đặc thù trong lĩnh vực Văn hoá vật thể được quy định chi tiết tại Phụ lục III kèm theo Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/4/2020 của UBND tỉnh: Trong đó, quy định danh mục tài sản cố định đặc thù trong lĩnh vực Văn hoá vật thể chỉ bao gồm di tích lịch sử cấp tỉnh. Tuy nhiên, căn cứ vào tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh; đến nay, Hà Tĩnh có 666 di tích lịch sử, văn hóa được xếp hạng; trong đó có 2 di tích quốc gia đặc biệt, 86 di tích cấp quốc gia và 578 di tích cấp tỉnh (*thông tin được cấp từ Cổng thông tin điện tử - Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh*). Do đó, việc bổ sung danh mục tài sản đặc thù trong lĩnh vực Văn hoá vật thể; bao gồm: di tích lịch sử cấp quốc gia đặc biệt, di tích lịch sử cấp quốc gia và di tích lịch sử được xếp hạng khác là cần thiết.

2. Cơ sở thực tiễn:

Ngày 15/3/2024, UBND tỉnh có Văn bản số 1374/UBND-NC3 về việc tham mưu quy định chi tiết nội dung được giao tại các văn bản QPPL của Trung ương, theo đó, UBND tỉnh giao: *“Các Sở, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tiễn, tổ chức rà soát, nghiên cứu các nội dung, phối hợp với đơn vị liên quan xây dựng, tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo đúng thời hạn yêu cầu tại Phụ lục kèm theo Văn bản này”*; Ngày 22/5/2024, UBND tỉnh có Văn bản số 2851/UBND-TH5 về chủ trương xây dựng Quyết định thay thế Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/4/2020 của UBND tỉnh.

Qua rà soát nội dung Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/4/2020 và các danh mục tài sản cố định được ban hành kèm theo, đối chiếu với các quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC, Sở Tài chính thấy rằng về đối tượng áp dụng còn thiếu Đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Việc quy định đúng tên gọi của Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình sẽ giúp người quản lý, sử dụng tài sản cố định phân biệt rõ thời gian sử dụng tài sản cố định và thời gian tính hao mòn tài sản cố định, đối với trường hợp tài sản cố định hết hao mòn nhưng vẫn sử dụng tốt thì nên tiếp tục sử dụng, chưa cần mua sắm tài sản mới thay thế, giúp tiết kiệm kinh phí cho cơ quan, tổ chức, đơn vị và tiết kiệm cho ngân sách nhà nước; Việc bổ sung thêm danh mục tài sản đặc thù trong lĩnh vực Văn hoá vật thể sẽ giúp các cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý hiệu quả hơn các Di tích lịch sử trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Do vậy, việc UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định về danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Tĩnh là cần thiết. Trong đó, thời gian tính hao mòn tài sản cố định tại Phụ lục I ban hành kèm theo dự thảo Quyết định không thay đổi so với thời gian quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/4/2020 của UBND tỉnh, dựa trên sự phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, đồng thời phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 13 Thông tư số 23/2023/TT-BTC: *“Thời gian tính hao mòn của một tài sản cố định vô hình không thấp hơn 04 (bốn) năm và không cao hơn 50 (năm mươi) năm”*.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Mục đích:

Nhằm giúp cho công tác quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có vốn nhà nước được hiệu quả; Đảm bảo tài sản nhà nước phải được quản lý, theo dõi, được thống kê, hạch toán kế toán đầy đủ về hiện vật và giá trị; ngăn chặn và đẩy lùi thất thoát, lãng phí.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo quyết định:

Trên cơ sở các loại tài sản, máy móc, trang thiết bị hiện có tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Sở Tài chính căn cứ vào quy định hiện hành tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính để rà soát, xây dựng dự thảo Quyết định quy định về danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; danh mục tài sản cố định đặc thù trong phạm vi quản lý của tỉnh Hà Tĩnh. Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan, đảm bảo Quyết định của UBND tỉnh được xây dựng, ban hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

Theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017, Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và chế độ chính sách hiện hành, Sở Tài chính đã xây dựng dự thảo Quyết định của UBND tỉnh ban hành 03 danh mục tài sản cố định, gồm: danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; danh mục tài sản cố định đặc thù; thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định hữu hình sử dụng trong điều kiện đặc biệt thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Tĩnh.

Ngày 29/5/2024, Sở Tài chính có các Văn bản số 2260/STC-GCS&TCDN; 2261/STC-GCS&TCDN gửi các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan để lấy ý kiến vào dự thảo Quyết định; gửi Cổng thông tin điện tử tỉnh Hà Tĩnh đề nghị đăng tải dự thảo Quyết định để lấy ý kiến tham gia, góp ý của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân.

Sở Tài chính nhận được ý kiến tham gia của 24 cơ quan, tổ chức, đơn vị; trong đó, không có ý kiến nào đề xuất thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định hữu hình khác so với quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính. Vì vậy Sở Tài chính không đề xuất Ban hành thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định hữu hình sử dụng trong điều kiện đặc biệt (*bỏ bớt Phụ lục III kèm theo dự thảo Quyết định*).

Sau khi tiếp thu ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức, đơn vị vào dự thảo Quyết định, Sở Tài chính có Văn bản số 3189/STC-GCS&TCDN ngày 18/7/2024 gửi Sở Tư pháp đề nghị thẩm định văn bản quy phạm pháp luật.

Sở Tài chính nhận được Văn bản số 1587/BC-STP ngày 09/8/2024 của Sở Tư pháp báo cáo kết quả thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

Sở Tài chính đã tổng hợp và hoàn thiện dự thảo Quyết định (*gửi kèm bảng tổng hợp tiếp thu ý kiến tham gia và giải trình một số nội dung*)

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Bố cục:

Dự thảo Quyết định quy định về danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Tĩnh gồm 05 điều.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

Điều 3. Quy định danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; danh mục tài sản cố định đặc thù.

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Điều 5. Hiệu lực thi hành.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo quyết định

a. Ban hành danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn đối với tài sản cố định:

- Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình (*Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm*);

- Danh mục tài sản cố định đặc thù (*Chi tiết theo Phụ lục II đính kèm*).

b. Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng: Dự thảo Quyết định quy định cụ thể phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

Với nội dung trên, Sở Tài chính xây dựng dự thảo Quyết định của UBND tỉnh Quy định về danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; danh mục tài sản cố định đặc thù trong phạm vi quản lý của tỉnh Hà Tĩnh.

(Dự thảo Quyết định kèm theo Tờ trình này)

Sở Tài chính kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (b/c);
- Lưu VT, GCS&TCDN.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Quốc Hương

PHỤ LỤC I
DANH MỤC, THỜI GIAN TÍNH HAO MÒN VÀ TỶ LỆ HAO MÒN TÀI
SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

(Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày / /2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

STT	Danh mục	Thời gian tính hao mòn (năm)	Tỷ lệ hao mòn (%/năm)
Loại I	Quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả		
1	Quyền tác phẩm âm nhạc	25	4
2	Quyền tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học	50	2
3	Quyền tác giả cuộc biểu diễn	25	4
4	Quyền tác giả bản ghi âm, ghi hình	25	4
5	Quyền tác giả khác	25	4
Loại II	Quyền sở hữu công nghiệp		
1	Bằng độc quyền sáng chế	20	5
2	Giải pháp hữu ích	10	10
3	Kiểu dáng công nghiệp	5	20
4	Nhãn hiệu hàng hóa	10	10
5	Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn	10	10
6	Quyền sở hữu công nghiệp khác	10	10
Loại III	Quyền đối với giống cây trồng		
1	Giống cây thân gỗ	25	4
2	Giống cây trồng khác	20	5
Loại IV	Phần mềm ứng dụng		
1	Phần mềm Cơ sở dữ liệu	5	20
2	Phần mềm kế toán	5	20
3	Phần mềm tin học văn phòng	5	20
4	Phần mềm ứng dụng khác	5	20
Loại V	Tài sản cố định vô hình khác (trừ quyền sử dụng đất đối với các trường hợp phải xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản quy định tại Điều 100 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP và thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập)	5	20

PHỤ LỤC II
DANH MỤC TÀI SẢN CỔ ĐỊNH ĐẶC THÙ
(Ban hành Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày / /2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

STT	DANH MỤC
Loại I	Tài sản đặc thù trong lĩnh vực Văn hóa vật thể
1	Di tích lịch sử cấp quốc gia đặc biệt
2	Di tích lịch sử cấp quốc gia
3	Di tích lịch sử cấp tỉnh
4	Di tích lịch sử được xếp hạng khác
Loại II	Tài liệu, hình ảnh, hiện vật trong Bảo tàng, di tích
1	Chất liệu bằng vàng
2	Chất liệu bằng bạc, đồng, kim loại quý
3	Chất liệu bằng kim loại (ngoài kim loại quý, bạc, đồng, vàng)
4	Chất liệu bằng gỗ
5	Chất liệu gốm, sành, sứ
6	Chất liệu bằng đất, đá
7	Chất liệu phim ảnh
8	Chất liệu bằng nhựa
9	Chất liệu bằng thủy tinh
10	Chất liệu bằng xương, ngà
11	Chất liệu bằng giấy
12	Chất liệu bằng vải
13	Chất liệu bằng da
14	Chất liệu mây tre
15	Các tiêu bản mẫu động, thực vật
16	Chất liệu khác
Loại III	Bảo vật quốc gia
Loại IV	Tài sản cổ định đặc thù khác